

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH
TUYÊN QUANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đức Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Tiến Dũng;

2. Bà Hà Thị Thu Hương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

Ông Đàm Như Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Chị Bàn Thị T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang

****Bị đơn:*** Anh Bàn Văn C, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang

(Chị T và anh C đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bàn Thị T trình bày:

Chị và anh Bàn Văn C kết hôn với nhau ngày 28/8/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Tuyên

Quang, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ của anh C tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn gay gắt từ đầu năm 2016 dương lịch đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: tính cách trái ngược nhau, không có sự chia sẻ, cảm thông, anh C không chịu khó làm ăn, hay uống rượu say về nhà thường xuyên đánh chửi chị T, nhiều lần gây thương tích ở phần mềm trên người nhưng chị T. Năm 2017 chị T đi làm công ty anh C bắt về, chị không về nên anh C đã nghi ngờ chị T đi ngoại tình, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Mâu Thuẫn giữa chị T và anh C cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục được, đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn C.

Về con chung: Chị T xác định, chị và anh Bàn Văn C có 02 con chung là cháu Bàn Thị Mai N, sinh ngày 20/01/2011 và cháu Bàn Thị Linh N, sinh ngày 30/9/2013 (hiện nay hai cháu đang ở cùng anh C). Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Thị Linh N, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Thị Mai N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định, chị và anh Bàn Văn C không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Bàn Văn C trình bày:

Anh và chị Bàn Thị T kết hôn với nhau ngày 28/8/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng với bố mẹ của anh C tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc cho đến khoảng tháng 8 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T đòi đi làm ăn ở công ty, gia đình anh C không cho nhưng chị T vẫn bỏ đi, từ khi đi chị T rất ít khi về nhà và không gửi tiền về nuôi con, vào khoảng tháng 3 năm 2020 chị T có thú nhận với anh C và hai bên gia đình là chị đã có người đàn ông khác. Từ những nguyên nhân trên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng chị T vẫn bỏ đi không về nhà. Anh C xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được nữa có quay lại chung sống với nhau cũng không hạnh phúc nên anh C nhất trí thuận tình ly hôn với chị Bàn Thị T.

Về con chung: Anh C xác định anh và chị Bàn Thị T có hai con chung là cháu Bàn Thị Mai N, sinh ngày 20/01/2011 và cháu Bàn Thị Linh N, sinh ngày 30/9/2013 (hiện nay hai cháu đang ở cùng anh C). Anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định, anh và chị T không có tài sản chung, không vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm và đề nghị:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng : Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con* ” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Toà án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng khác theo đúng trình tự pháp luật quy định kể từ ngày thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm, các phần tiến hành tố tụng tại phiên toà sơ thẩm đã được Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự, đúng quy định pháp luật.

* Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28; các Điều 35,70, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bàn Thị T và anh Bàn Văn C.

-Về con chung: Xét về điều kiện, hoàn cảnh kinh tế và nguyện vọng của cháu N nên cần giao cháu Bàn Thị Mai N, sinh ngày 20/01/2011 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Bàn Thị Linh N, sinh ngày 30/9/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C xác định tài sản chung, nợ chung không có, không đề cập giải quyết, do đó không xem xét.

- Về án phí: Chị T thuộc diện hộ cận nghèo của xã nên cần xem xét miễn nộp tiền án phí, anh C không phải nộp án phí.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Bàn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Bàn Văn C, đồng thời đề nghị giải quyết về việc giao nuôi con chung, nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con; Chị T và anh C đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã H, huyện L, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị T và anh Bàn Văn C kết hôn với nhau ngày 28/8/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự, Kết quả xác minh thấy rằng: Chị Bàn Thị T và anh Bàn Văn C kết hôn với nhau ngày 28/8/2013, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối khoảng năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, nghi ngờ nhau có quan hệ ngoại tình, dẫn đến thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không khắc phục được, đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Như vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Chương, anh C nhất trí thuận tình ly hôn. Do đó HĐXX xét thấy cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Bàn Thị T và anh Bàn Văn C có hai con chung là cháu Bàn Thị Mai N, sinh ngày 20/01/2011 và cháu Bàn Thị Linh N, sinh ngày 30/9/2013 (hiện nay hai cháu đang ở cùng anh C). Tại phiên tòa chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con chung, Anh C đề nghị nuôi dưỡng cả hai con là cháu N và cháu N1, không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ kết quả xác minh và các chứng cứ khác, HĐXX thấy rằng:

Cả anh C và chị T đều không có nhà ở riêng, vẫn phải đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ. Chị T hiện nay đang đi làm công ty, thu nhập trung bình là 7.800.000đ/1 tháng; Anh C trình bày hiện nay thường đi cắt gỗ thuê, làm ruộng nương và các công việc khác không ổn định, thu nhập hơn 8.000.000đ/tháng, mặt khác cháu N có nguyện vọng được ở với anh C. Để đảm bảo sự nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho các con chung, cũng như sự phát triển tốt về mọi mặt cho các cháu, cần giao cho chị Bàn Thị T trực tiếp nuôi

đưỡng cháu Bàn Thị Linh N, giao cho anh Bàn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Thị Mai N, chị T và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung , vay nợ chung: Chị Bàn Thị T và anh Bàn Văn C cùng xác định: Không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bàn Thị T là dân tộc thiểu số, sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo của xã. HĐXX quyết định miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Bàn Thị T, anh Bàn Văn C không phải nộp án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 70, 147, 235, 264, 266, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Bàn Thị T và anh Bàn Văn C.

2. Về con chung:

Xử: - Giao cháu Bàn Thị Linh N, sinh ngày 30/9/2013 cho chị Bàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục;

- Giao cháu Bàn Thị Mai N, sinh ngày 20/01/2011 cho anh Bàn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh C và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Anh C và chị T có quyền được đi lại, thăm con, chăm sóc con chung không ai được cản trở; có quyền đề nghị thay

đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cho chị Bàn Thị T. Anh Bàn Văn C không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh C đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/9/2020)./.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Đức Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Tiến Dũng Hà Thị Thu Hương

Lý Đức Quỳnh